

**BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT
TRIỂN NÔNG THÔN**

Số: 64/2011/TT-BNNPTNT

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày 04 tháng 10 năm 2011

THÔNG TƯ

BAN HÀNH “DANH MỤC BỔ SUNG GIỐNG CÂY TRỒNG ĐƯỢC PHÉP SẢN XUẤT, KINH DOANH Ở VIỆT NAM”

Căn cứ Nghị định số 01/2008/NĐ-CP, ngày 03 tháng 1 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Nghị định số 75/2009/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2009 của Chính phủ sửa đổi Điều 3 Nghị định số 01/2008/NĐ-CP ngày 03 tháng 1 năm 2008 của Chính phủ;

Căn cứ Pháp lệnh giống cây trồng số 15/2004/PL-UBTVQH11 ngày 24/3/2004 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Danh mục bổ sung giống cây trồng được phép sản xuất kinh doanh ở Việt Nam.

Điều 1. Ban hành kèm theo Thông tư này “Danh mục bổ sung giống cây trồng được phép sản xuất kinh doanh ở Việt Nam” bao gồm: 05 giống lúa thuần; 01 giống lúa nếp; 01 giống lúa lai; 01 giống ngô lai; 01 giống ngô nếp lai (Phụ lục kèm theo).

Điều 2. Thông tư này có hiệu lực thi hành sau bốn mươi lăm ngày, kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Cục trưởng Cục Trồng trọt, Vụ trưởng Vụ Khoa học Công nghệ và Môi trường, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- VP Chính phủ;
- Công báo Chính phủ;
- Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- Tổng cục Hải quan; Bộ Tài chính;
- Website Chính phủ;
- Website Bộ NN & PTNT;
- UBND tỉnh, Tp trực thuộc TW;
- Cục BVTV, Vụ PC - Bộ NN & PTNT;
- Sở NN và PTNT các tỉnh, Tp. trực thuộc TW;
- Lưu: VT, TT.

Bùi Bá Bổng

DANH MỤC

BỔ SUNG GIỐNG CÂY TRỒNG ĐƯỢC PHÉP SẢN XUẤT, KINH DOANH Ở VIỆT NAM
(Ban hành kèm theo Thông tư số: 64/2011/TT-BNNPTNT, ngày 04 tháng 10 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

TT	Tên giống	Mã hàng	Vùng được phép sản xuất
1	Giống lúa thuần ĐT 34	1006-10-10-00	Các tỉnh phía Bắc và Duyên hải Nam Trung Bộ
2	Giống lúa thuần TBR 45 (NC3)	1006-10-10-00	Các tỉnh phía Bắc và Duyên hải Nam Trung Bộ
3	Giống lúa thuần XT 27	1006-10-10-00	Các tỉnh phía Bắc và Duyên hải Nam Trung Bộ
4	Giống lúa thuần QR1	1006-10-10-00	Các tỉnh phía Bắc
5	Giống lúa thuần Nàng hoa 9	1006-10-10-00	Các tỉnh phía Nam

6	Giống lúa nếp DT 52	1006-10-10-00	Các tỉnh phía Bắc và Duyên hải Nam Trung Bộ
7	Giống lúa lai SL8H- GS9	1006-10-10-00	Các tỉnh phía Bắc và Duyên hải miền Trung và Tây Nguyên
8	Giống ngô lai DK 8868	1005-10-00-00	Các vụ, vùng trồng ngô trên cả nước
9	Giống ngô nếp lai HN88	1005-10-00-00	Các vụ, vùng trồng ngô trên cả nước